

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 22/7/2021

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách, bà Ngô Thùy Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thử, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2021/QĐXX-DSST ngày 28 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-DS ngày 15/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. (có mặt)

Cư trú: Thôn Hà Liễu, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì nội dung vụ án tóm tắt như sau.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà với bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, hiện bà H đang cư trú tại địa chỉ khu 3, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có mối quan hệ họ hàng xa với nhau, bà phải gọi bà H bằng dì họ.

Do có mối quan hệ như vậy nên trước thời điểm năm 2008 bà có cho bà H vay 03 lần tiền. Sau đó do bà H không trả được tiền nợ nên ngày 27/8/2008 hai bên đã thống nhất số tiền nợ, thống nhất thời hạn trả nợ và tiến hành lập văn bản ghi nhận số tiền nợ, ghi nhận sự thỏa thuận giữa hai bên. Cụ thể theo giấy biên nhận vay tiền lập ngày 27/8/2008 thì xác định bà H nợ bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ thống nhất trả làm 5 lần; Lần 1 ngày 25/11/2010 bà H trả bà số tiền 20.000.000 đồng; lần 2 ngày 25/4/2011 trả tiếp 20.000.000 đồng; lần 3 ngày 25/9/2011 trả

20.000.000 đồng; lần 4 trả số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 25/2/2012 và lần cuối trả nốt số tiền còn lại 20.000.000 đồng vào ngày 25/8/2012. Về lãi suất thì không có thỏa thuận ghi trong giấy biên nhận vay tiền.

Đến hạn trả nợ nhưng bà H không trả được cho bà. Bà có đòi bà H phải trả thì bà H nhận nợ nhưng khất lần không trả. Suốt từ năm 2012 đến nay bà đã đòi bà H nhiều lần nhưng bà H nói khó khăn và cứ khất nợ không chịu trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H phải trả bà số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000 đồng. Ngoài số tiền nợ gốc này bà không có yêu cầu nào khác.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, bà L cung cấp 01 bản sao đã được đối chiếu đúng với bản gốc giấy biên nhận vay tiền lập ngày 27/8/2008 do bà H viết và ký nhận.

Đối với phía bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ kiện Toà án đã nhiều lần tiến hành thông báo bà H đến Toà án để giải quyết vụ kiện nhưng bà H luôn vắng mặt không đến làm việc. Toà án đã cùng với cán bộ địa phương tiến hành gặp trực tiếp bà H tại nơi ở của bà H là khu 3, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ để lấy lời khai nhưng bà H không khai, không trình bày gì. Toà án cũng đã tiến hành thông báo và gửi thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 18/5/2021, ngày 20/5/2021 nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không đến Toà án làm việc do vậy Toà án không có lời khai của bà H về việc vay mượn tiền.

Tại phiên tòa bà L vẫn giữ lời khai đã trình bày với Toà án trong thời gian chuẩn bị xét xử. Bà cũng trình bày lý do bà không khởi kiện ngay ra Toà án là do bà H cứ khất lần, hứa sẽ trả bà tiền nợ nhưng sau đó lại không trả và cũng vì giữa bà với bà H cũng có họ hàng nên bà cũng để cho bà H thu xếp tiền trả nhưng sau đó bà H vẫn không có thiện trí trả tiền. Phía bà H vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa có ý kiến về việc trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và phía nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng cũng như phía nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm cần kiến nghị khắc phục. Đối với bà H đã được Toà án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên việc HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H là có căn cứ.

Về giải quyết vụ án thấy rằng lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với giấy biên nhận vay tiền lập ngày 27/8/2008. Bà H vắng mặt tại phiên tòa cũng như vắng mặt tại các buổi làm việc với Toà án, bà H từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 147, 207, 227, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 471, 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005, căn cứ vào yêu cầu của bà L, căn cứ giấy biên nhận vay tiền mà bà L cung cấp cho Toà án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả bà L số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Về án phí bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đòi bà Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền đã vay thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Toà án thụ lý giải quyết là có căn cứ. Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ kiện Toà án đã tiến hành làm việc với phía bị đơn nhưng bị đơn từ chối khai báo. Phía bị đơn cũng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên toà xét xử nên áp dụng các Điều 207, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật, tính thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật có tranh chấp: Thỏa thuận vay mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị L với bà Nguyễn Thị H được thực hiện vào tháng 8/2008 do vậy áp dụng các quy định của Bộ Luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ kiện. Hợp đồng vay tài sản giữa bà H với bà L theo thỏa thuận giữa hai bên thì đến ngày 28/8/2012 là đến hạn trả nợ, có nghĩa sau thời điểm 28/8/2012 bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại 427 của Bộ Luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện là 02 năm kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì thời hiệu khởi kiện đối với vụ kiện này đã hết. Tuy nhiên căn cứ vào Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì xác định đối với yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền gốc đã cho vay của bà L đây là quan hệ pháp luật khởi kiện đòi tài sản nên yêu cầu này không bị hạn chế thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của phía nguyên đơn, căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền lập ngày 27/8/2008 thì thấy: Do có quan hệ họ hàng và cũng là chỗ làm ăn với nhau nên ngày 27/8/2008 giữa bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận thiết lập một hợp đồng vay tài sản với số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 25/11/2010 bà H trả số tiền 20.000.000 đồng; ngày 25/4/2011 trả tiếp 20.000.000 đồng; ngày 25/9/2011 trả 20.000.000 đồng; ngày 25/2/2012 trả số tiền 20.000.000 đồng và ngày 28/8/2012 trả số tiền còn lại 20.000.000 đồng. Về lãi suất không ghi trong giấy vay tiền, bà L cũng xác định cho vay không lãi. Do vậy xác định thỏa thuận giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản không có lãi. Bà H đã nhận tiền vay nhưng đến hạn trả nợ không trả được tiền vay, nay bà L có yêu cầu đòi nợ căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ gốc đã cho vay của bà L, buộc bà H phải trả lại số tiền đã vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

Về lãi suất: Do bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí, bà H phải chịu án phí của số tiền phải trả nợ theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, 207, 227, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 471, 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005. Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đòi bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ đã vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn) theo giấy biên nhận vay tiền lập ngày 27/8/2008 giữa bà H với bà L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà L số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002872 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ. Bà H phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây